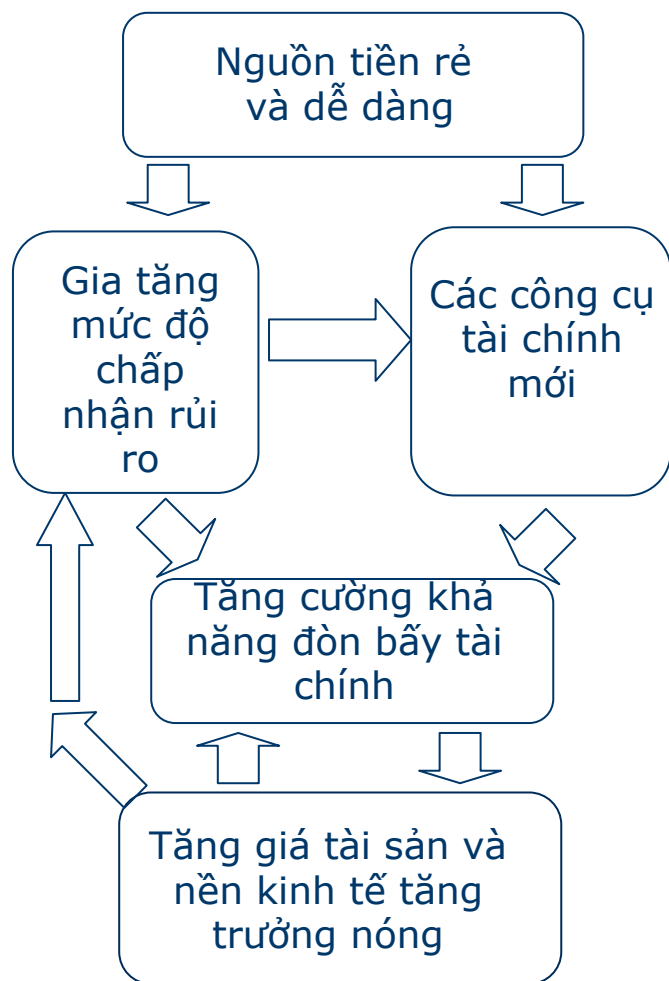


# Suy Thoái Kinh Tế Toàn Cầu 2009

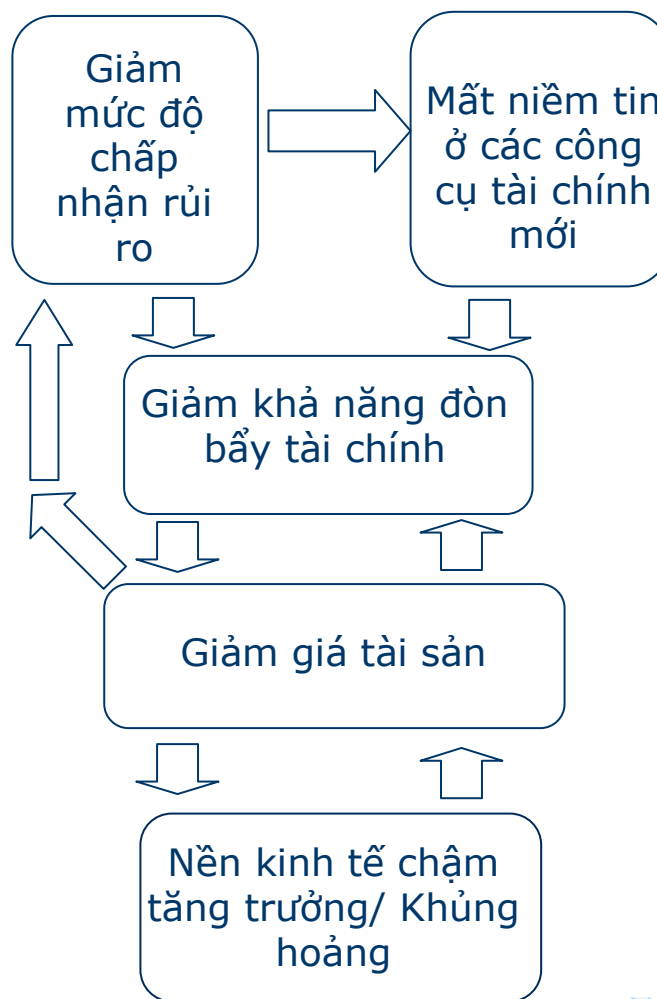
Saul Eslake  
Chuyên viên Kinh Tế Cao Cấp, ANZ

# Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu hiện nay bắt nguồn từ sự đổ vỡ của bong bóng tín dụng <sup>2</sup>

## Bong bóng ...



## Đổ vỡ ....



# Điều gì đã gây nên khủng hoảng tài chính toàn cầu? Một vài giải thích đáng tin cậy <sup>3</sup>

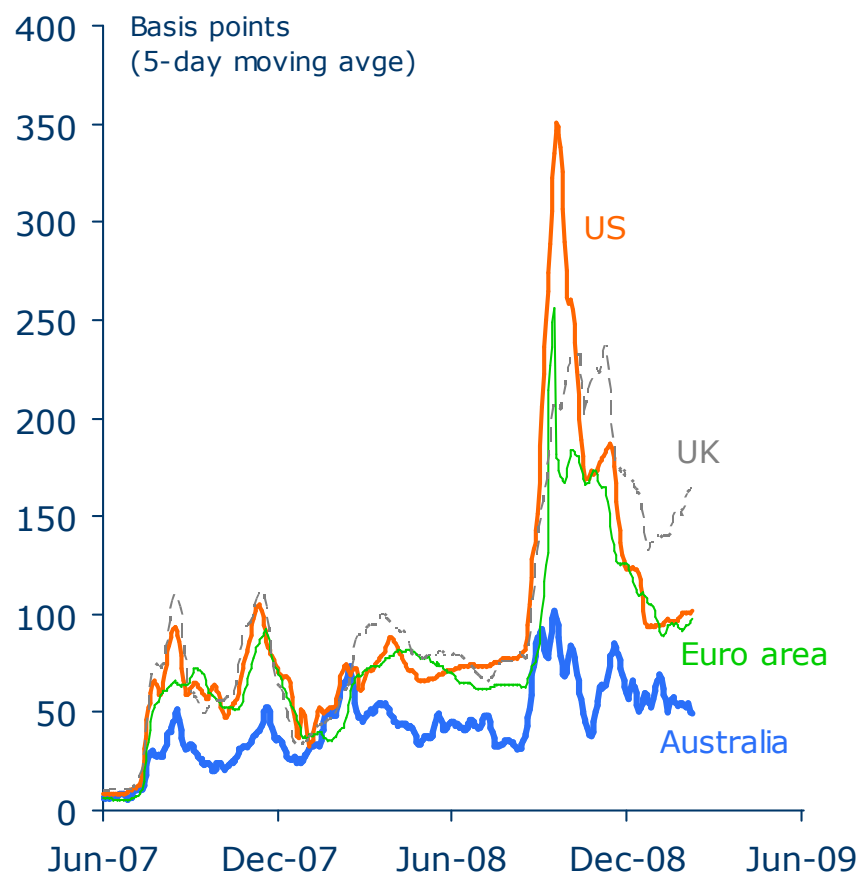
---

- Sai lầm trong chính sách kinh tế vĩ mô
  - Các ngân hàng Trung Ương của các nước phương Tây đã cắt giảm lãi suất quá sâu và duy trì mức lãi suất thấp trong thời gian quá dài, sau sự sụp đổ hàng loạt của các công ty công nghệ và những bê bối tài chính của các tập đoàn trong năm 2000-2002.
  - Ngân hàng Trung Ương ở các nước đang phát triển và các nước xuất khẩu dầu đã thêm vào sự dư thừa tiền tệ toàn cầu thông qua việc neo giữ tỷ giá ngoại tệ.
- Khiếm khuyết của hệ thống pháp luật
  - Hệ thống pháp luật đã không theo kịp sự phát triển của các công cụ tài chính, đặc biệt là các công cụ tài chính phái sinh (một phần do các lý do thuộc ý thức hệ, một phần do những sai phạm về luật pháp)
  - Hệ thống pháp luật đã không phản ứng kịp thời với những ngân hàng tìm cách né tránh những quy định về vốn đối ứng bằng cách sử dụng những công cụ bên ngoài bảng cân đối kế toán.
  - Hệ thống pháp luật đã không phản ứng kịp thời trước những lỗ hổng không ngừng gia tăng trong hệ thống ngân hàng.
- Sai lầm trong việc đánh giá và quản lý rủi ro
  - Sử dụng những công thức toán học dựa trên giá trị của những sản phẩm phái sinh hơn là dựa trên những số liệu thống kê trước đó để đánh giá khả năng vỡ nợ. Từ đó dẫn đến việc nhà đầu tư và các công ty định giá đánh giá thấp những rủi ro có thể có dẫn đến việc định giá thấp những rủi ro.
- Hậu quả từ nghiệp vụ “Chứng khoán hóa” các khoản vay
  - Chứng khoán hóa làm rộng thêm và làm yếu đi mối liên hệ giữa người vay và người cung cấp các khoản vay.
  - Chứng khoán hóa dẫn đến việc không có đủ nguồn vốn để ứng phó với những rủi ro có thể xảy ra.
- Hậu quả từ lòng tham
  - Chứng khoán hóa làm giảm động lực để đánh giá rủi ro một cách đầy đủ.
  - Hệ thống lương thưởng của các công ty tài chính khuyến khích việc chấp nhận rủi ro.
  - Hệ thống pháp luật một số Tiểu Bang ở Hoa Kỳ khuyến khích người cầm cố tài sản tuyên bố vỡ nợ khi số tiền vay vượt quá tài sản nhà đất cầm cố.

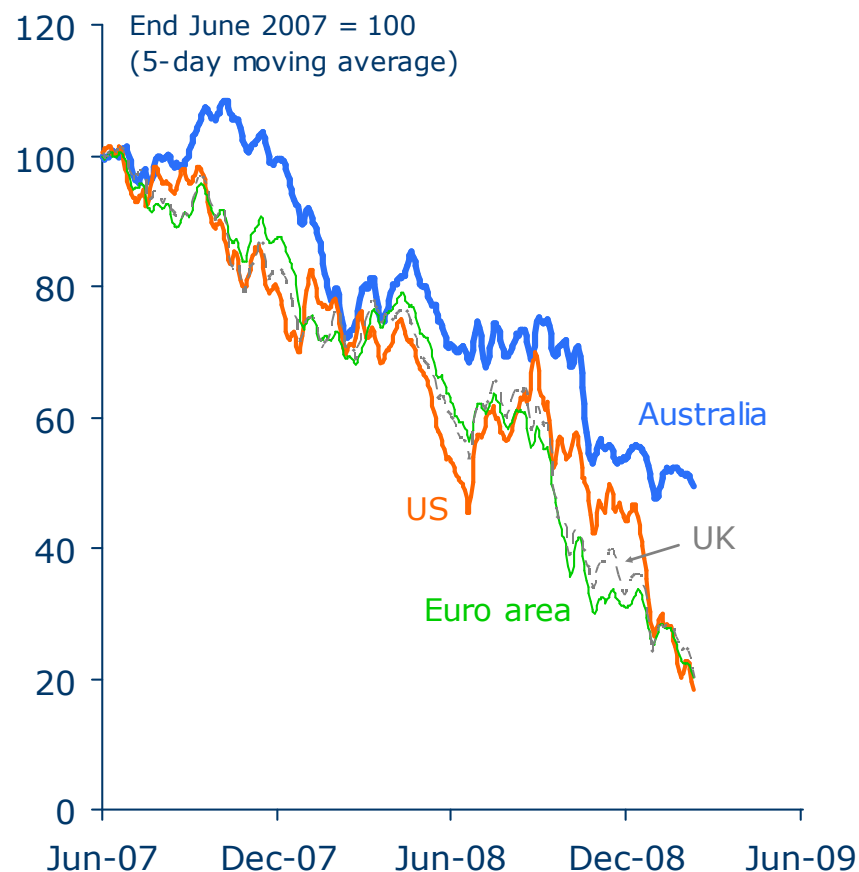
Chính quyền và các ngân hàng Trung Ương làm những gì có thể để giải quyết về tính thanh khoản của các ngân hàng, nhưng không phải cho khả năng chi trả của các ngân hàng

4

### So sánh giữa 3 tháng huy động vốn trên thị trường liên ngân hàng và tỷ giá huy động qua đêm chính thức\*



### Giá cổ phiếu ngân hàng



\* Strictly speaking, the spread between the 3-month Libor (or in Australia bank bill swap rate) and the 3-month overnight index swap (OIS) rate which measures market expectations of future changes in the official cash rate.  
Sources: Bloomberg; Thomson Financial Datastream.



Các ngân hàng có thể cần thêm khoảng 1000 tỷ USD nữa và nguồn tiền này có thể phần lớn đến từ chính phủ

5

### Những khoản thua lỗ được báo cáo từ giữa năm 2007

Quốc Gia	Tổng Cộng (tỷ USD)
Mỹ	427.0
Anh	118.0
Phần còn lại của Châu Âu	158.9
Canada	10.8
Nhật	13.7
Các nước khác	14.1
<b>Tổng cộng từ các ngân hàng</b>	<b>812.0</b>
Các tổ chức tín dụng khác (*)	258.7
<b>Tổng Cộng</b>	<b>1,038.5</b>

IMF nói rằng tổng số tiền có thể lên tới USD2,200 tỷ

### Nguồn vốn huy động từ giữa năm 2007

Quốc Gia	Tổng Cộng (tỷ USD)
Mỹ	411.1
Anh	93.4
Phần còn lại của Châu Âu	218.7
Canada	15.8
Nhật	14.1
Các nước khác	30.8
<b>Tổng cộng từ các ngân hàng</b>	<b>793.3</b>
Các tổ chức tín dụng khác (*)	128.6
<b>Tổng Cộng</b>	<b>921.9</b>
trong đó: từ chính phủ	380.0

Các ngân hàng có thể cần thêm khoảng từ 800 đến 1000 tỷ USD

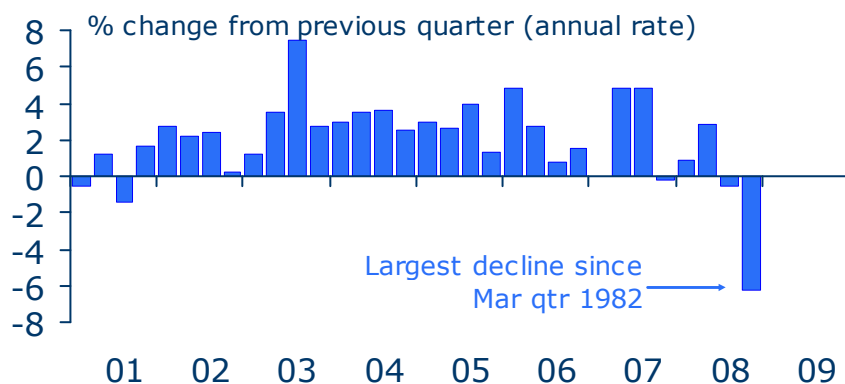
\* 'Other institutions' include insurance companies and the US GSEs.  
Sources: Bloomberg; IMF; ANZ Economics & Markets Research.

# Nền kinh tế của Hoa Kỳ suy giảm đáng kể từ nửa cuối năm 2008 và sẽ tiếp tục trong năm 2009

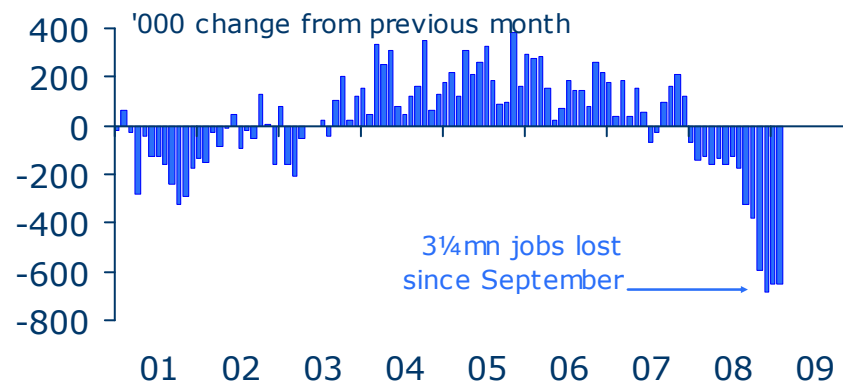
6

## Các hoạt động kinh tế Hoa Kỳ và thị trường lao động

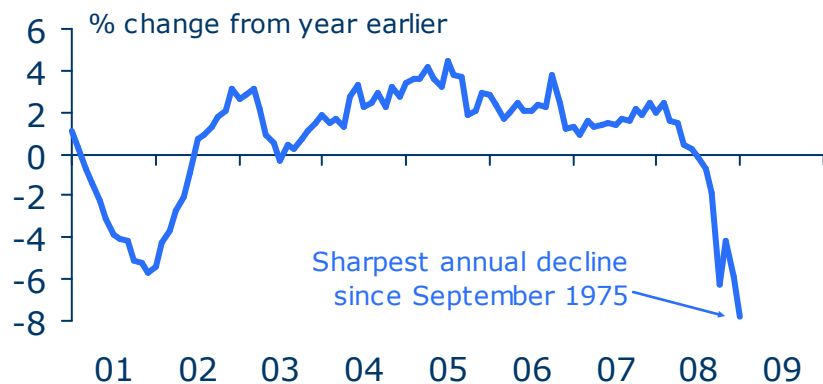
### Tổng sản phẩm quốc nội (GDP)



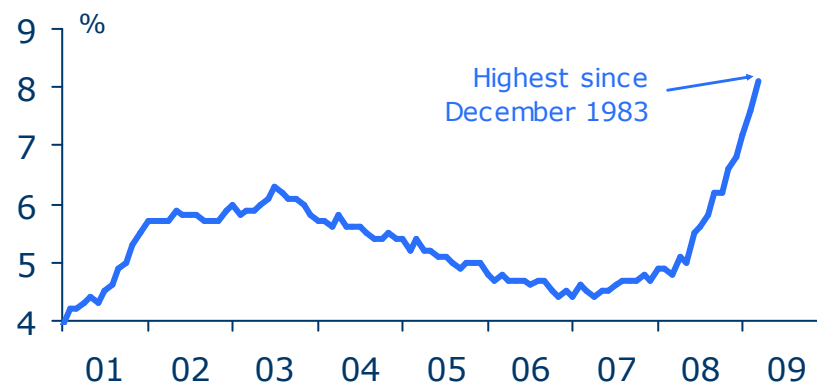
### Việc làm



### Sản lượng công nghiệp



### Tỷ lệ thất nghiệp



Sources: US Bureau of Economic Analysis; Federal Reserve; Bureau of Labor Statistics.

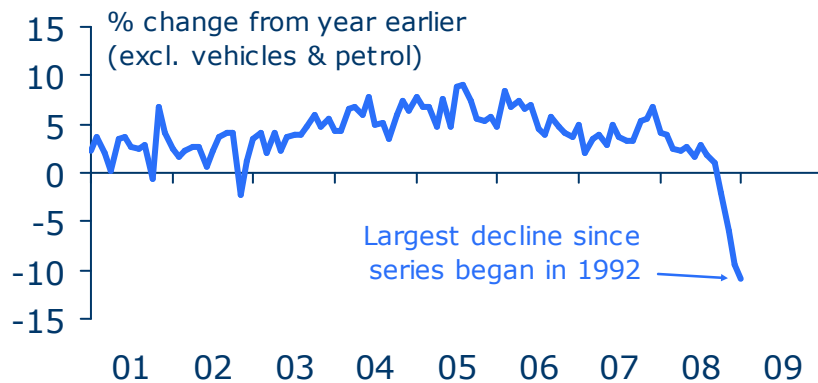


Người tiêu dùng Hoa Kỳ đã phải cắt giảm chi tiêu mạnh mẽ và các doanh nghiệp cũng bắt đầu cắt giảm chi phí

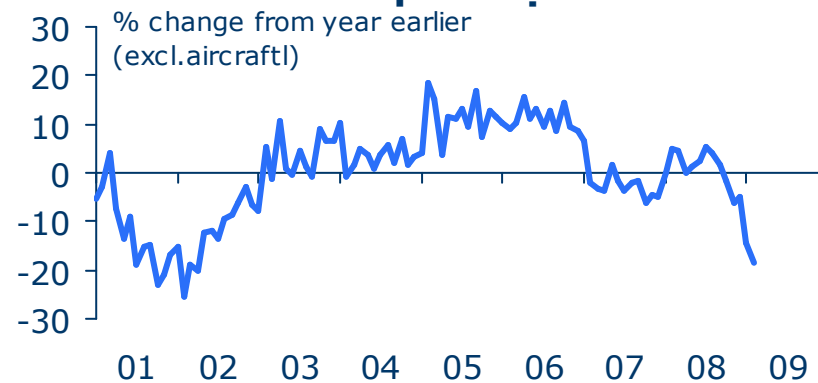
7

### Người tiêu dùng Hoa Kỳ và các hoạt động kinh doanh

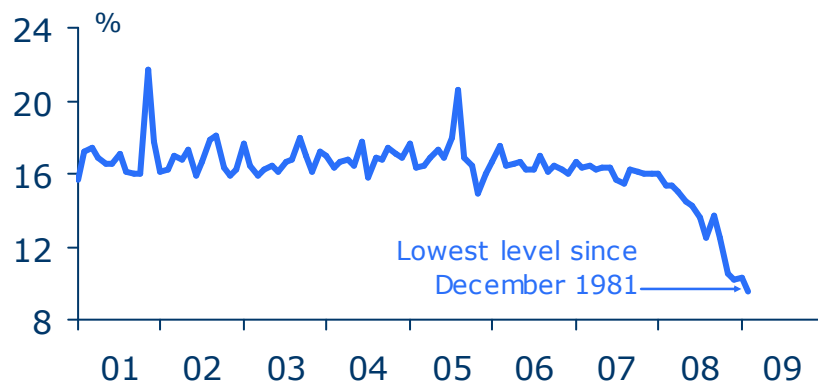
#### Doanh thu bán lẻ



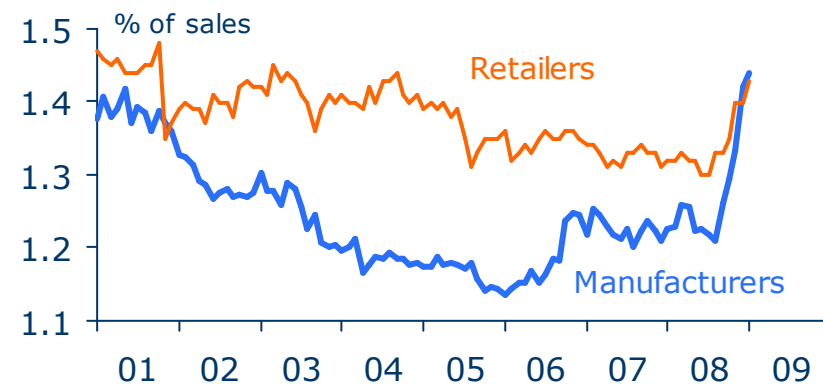
#### Đơn hàng cho các mặt hàng phi quân sự



#### Doanh số tiêu thụ ô tô



#### Tỷ lệ giữa hàng hóa – doanh thu



Source: US Commerce Department.

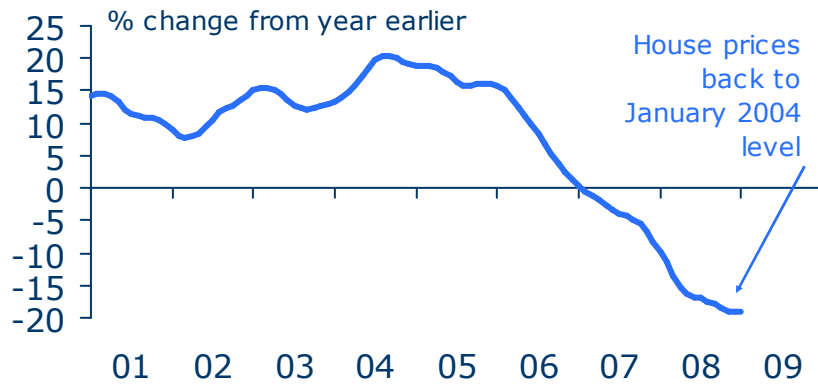


# Thị trường nhà đất của Hoa Kỳ vẫn suy giảm sâu; nhưng được dự đoán là đã chạm đáy

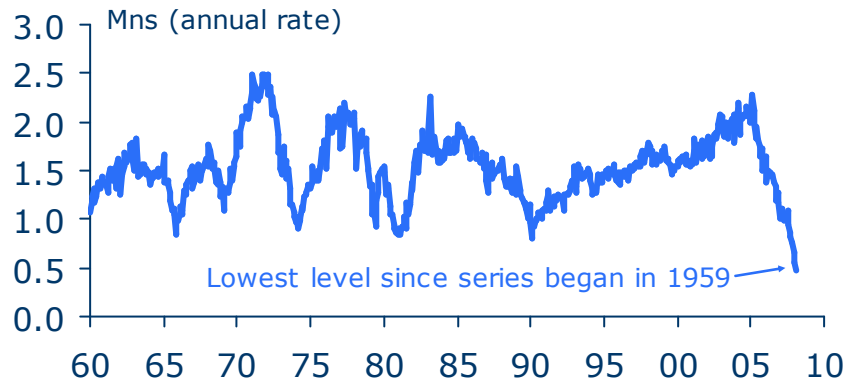
8

## Thị trường nhà đất của Hoa Kỳ

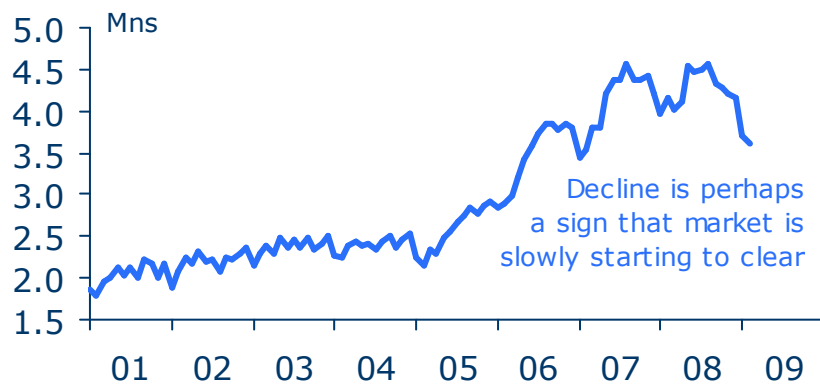
### Giá nhà đất niêm yết\*



### Nhà đang xây



### Nhà hoàn thiện để bán



### Mật độ người mua nhà



\* Case-Shiller index. Sources: S&P; Commerce Department; National Association of Realtors; National Association of Housing Brokers.

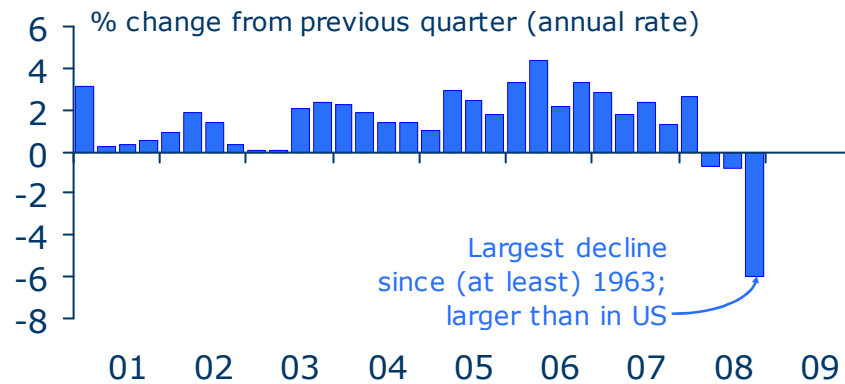


# Sự suy thoái ở khu vực Châu Âu và Anh Quốc đã gây chia rẽ hơn là ở Hoa Kỳ

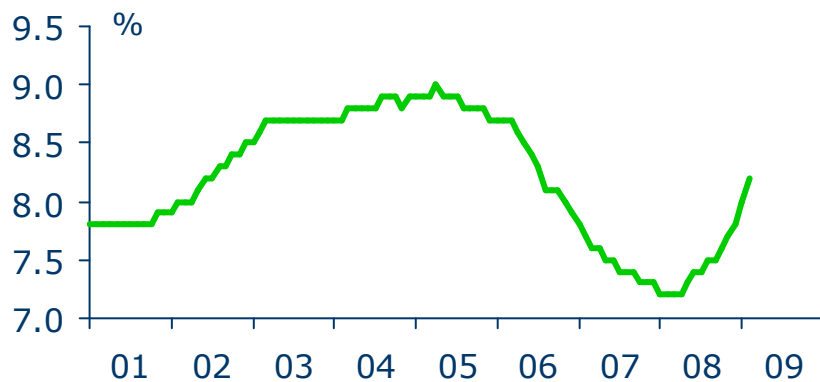
9

## Khu vực châu Âu

### Tổng sản phẩm quốc nội

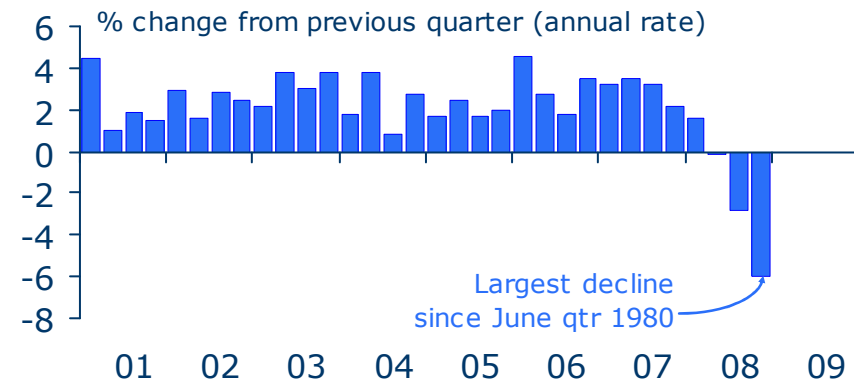


### Tỷ lệ thất nghiệp

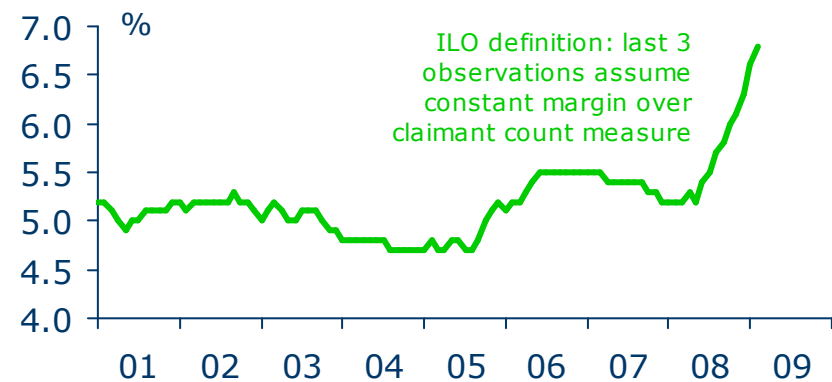


## Anh Quốc

### Tổng sản phẩm quốc nội



### Tỷ lệ thất nghiệp



Sources: European Commission; Eurostat; Confederation of British Industry; UK Office of National Statistics; Datastream.

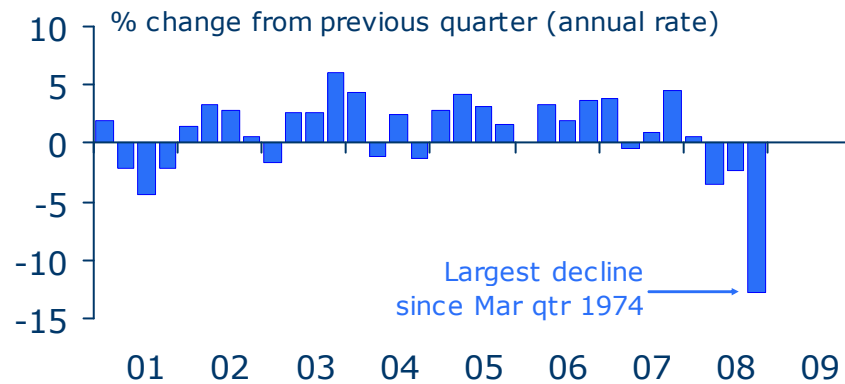


# Nền kinh tế Nhật Bản đã bắt đầu bị ảnh hưởng mạnh mẽ hơn tất cả những nền kinh tế phát triển khác

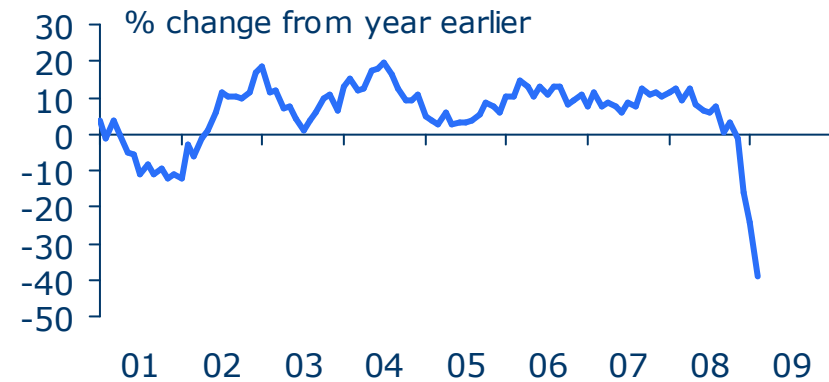
10

## Nhật Bản

### Tổng sản phẩm quốc nội



### Sản lượng xuất khẩu



### Sản lượng công nghiệp



### Tỷ lệ thất nghiệp



Sources: Japan Economic & Social Research Institute; Ministry of Economy, Trade and Industry; Japan Home Ministry.

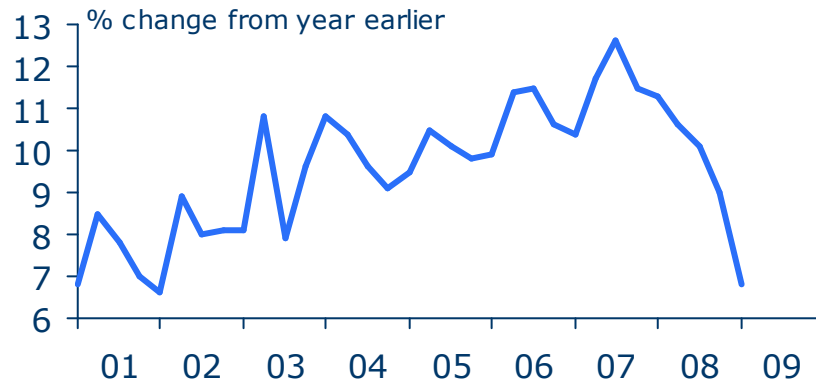


# Nền kinh tế Trung Quốc đã tăng trưởng chậm lại từ nửa cuối năm 2008

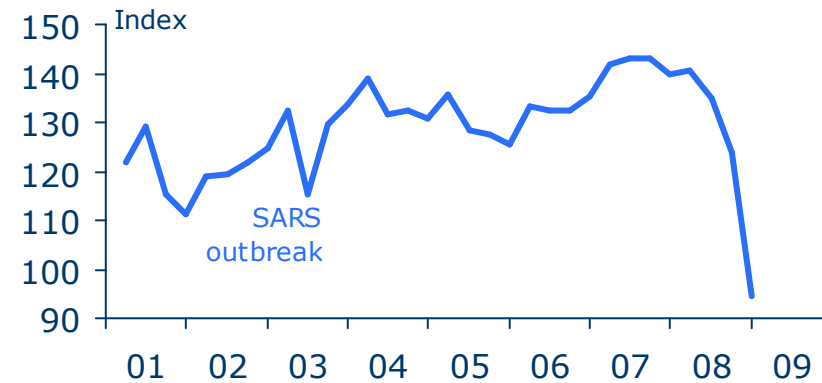
11

## Chỉ số của nền kinh tế Trung Quốc

### Tăng trưởng GDP



### Chỉ số thu hút đầu tư



### Sản lượng công nghiệp



### Chỉ số tiêu dùng



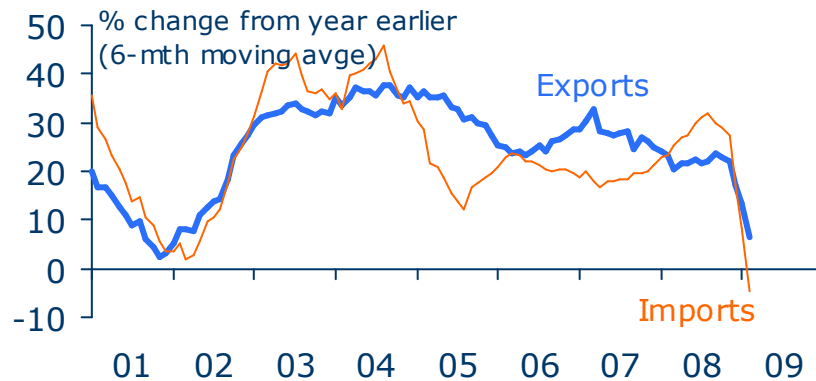
Source: China National Statistics Bureau; ANZ.



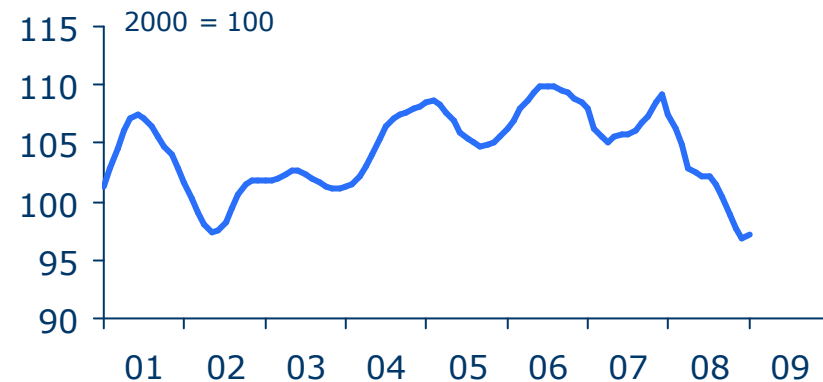
Nền kinh tế của Trung Quốc bị ảnh hưởng một phần do suy giảm xuất khẩu; Phần còn lại do sự đổ vỡ của bong bóng tín dụng bất động sản <sup>12</sup>

---

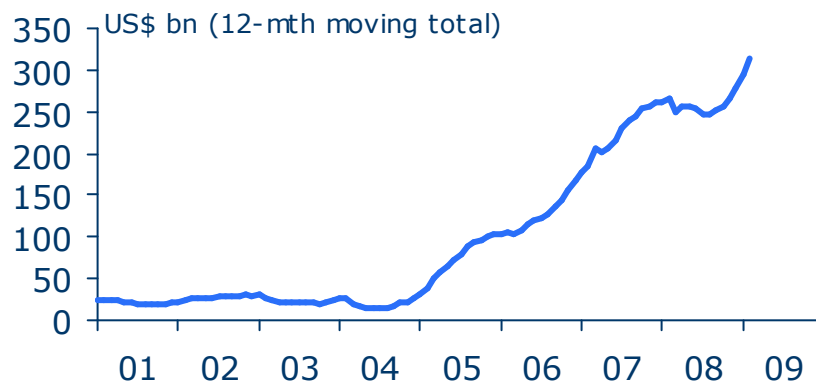
**Xuất nhập khẩu**



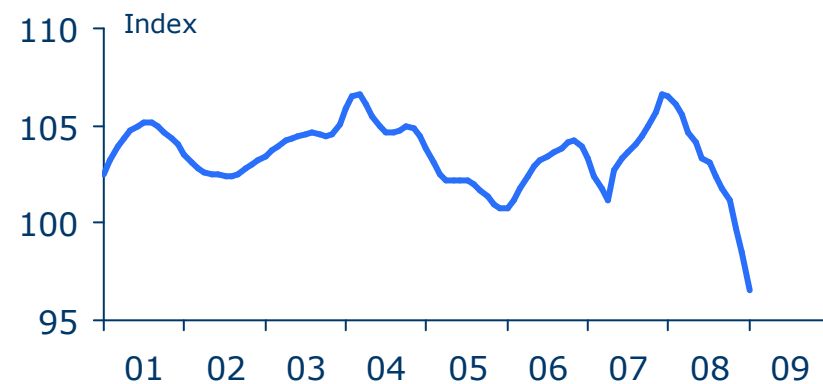
**Giá bất động sản**



**Cán cân thương mại**



**Chỉ số Bất động sản**



Source: China National Statistics Bureau; ANZ.

Chính quyền Trung Quốc đã loại bỏ những lực cản để bắt đầu một chu kỳ tăng trưởng mới, tuy nhiên những dấu hiệu cho thấy vẫn còn ở giai đoạn thăm dò

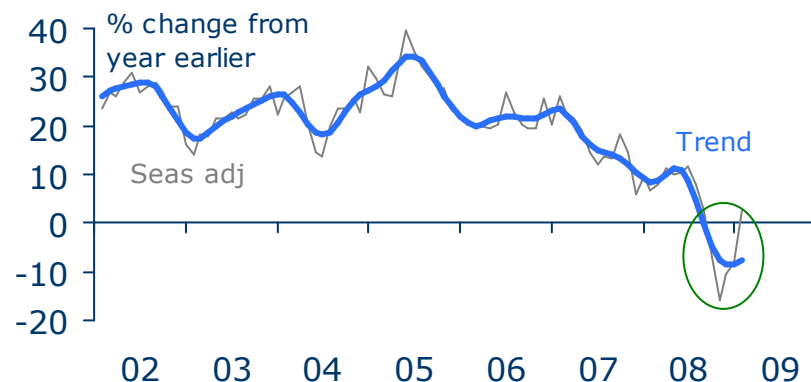
13

## Chỉ số công nghiệp Trung Quốc

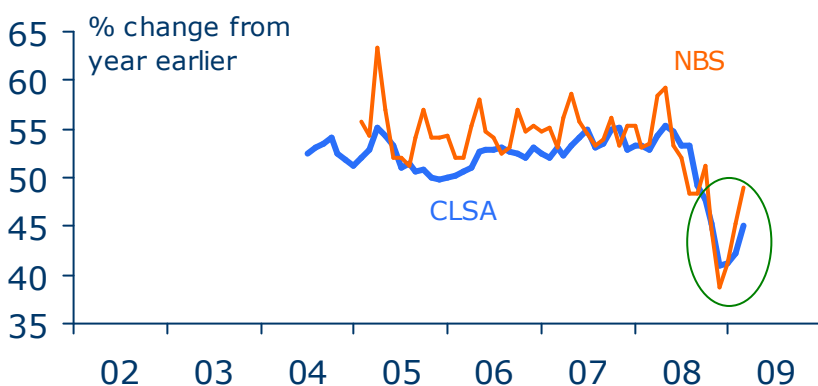
### Vốn vay ngân hàng



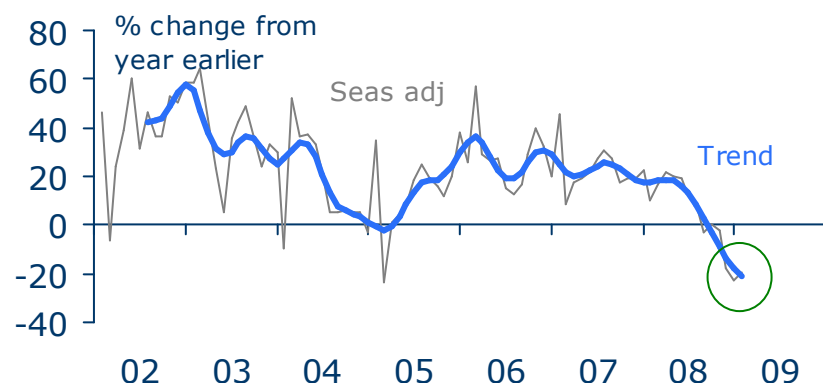
### Sản lượng thép



### Chỉ số Tiêu dùng



### Sản lượng ô tô

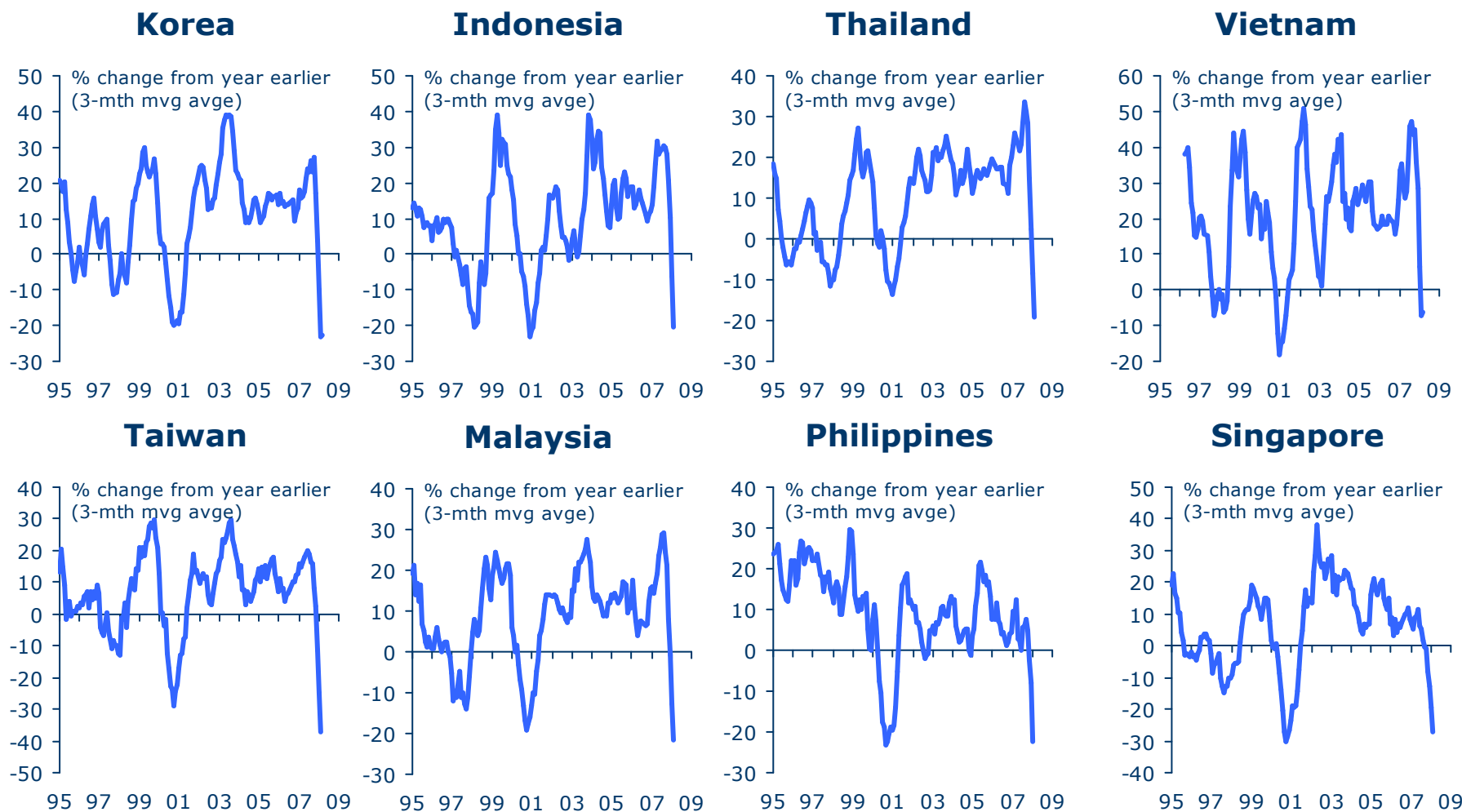


Sources: People's Bank of China; CLSA; National Bureau of Statistics; China Steel Industry Association; China Association of Automobile Manufacturers; CEIC. Seasonal adjustment by DX; trend series derived by ANZ using ABS formula.



# Các nền kinh tế châu Á khác cũng bị ảnh hưởng nặng nề bởi suy giảm xuất khẩu <sup>14</sup>

## Nền Kinh Tế Đông Á – Thương Mại Xuất khẩu



Note: all data in US\$. Sources: National statistical agencies; Datastream; CEIC; ANZ.

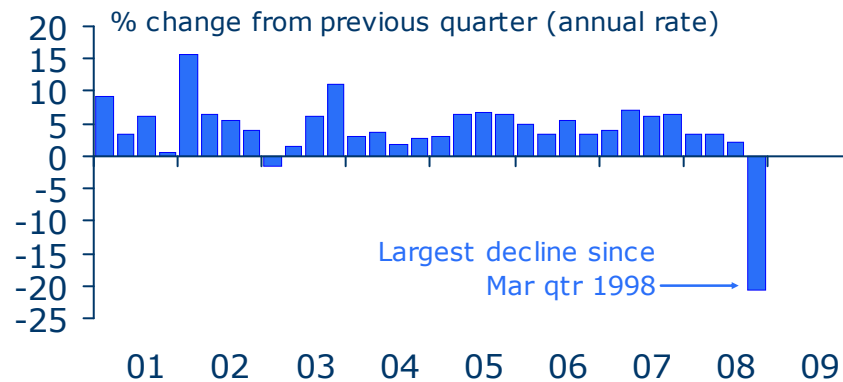


# Những nền kinh tế châu Á dựa nhiều vào xuất khẩu, GDP sẽ bị ảnh hưởng một cách rõ rệt

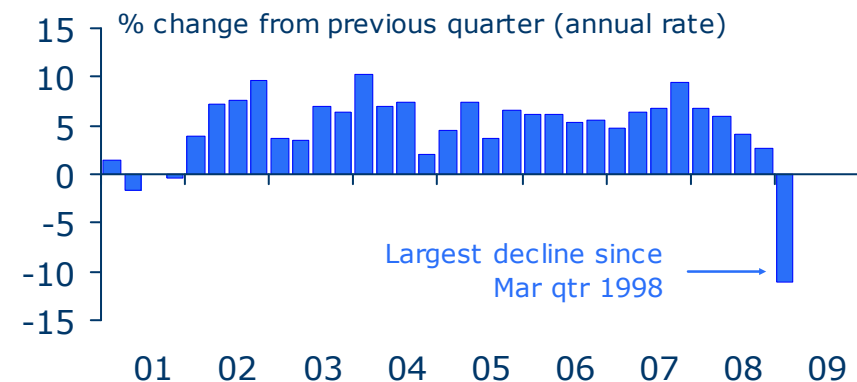
15

## Tổng Sản phẩm Quốc nội – nền kinh tế châu Á dựa nhiều vào xuất khẩu

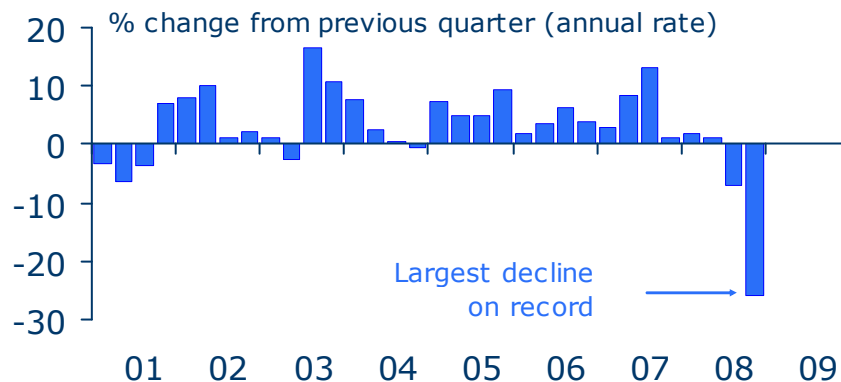
### Korea



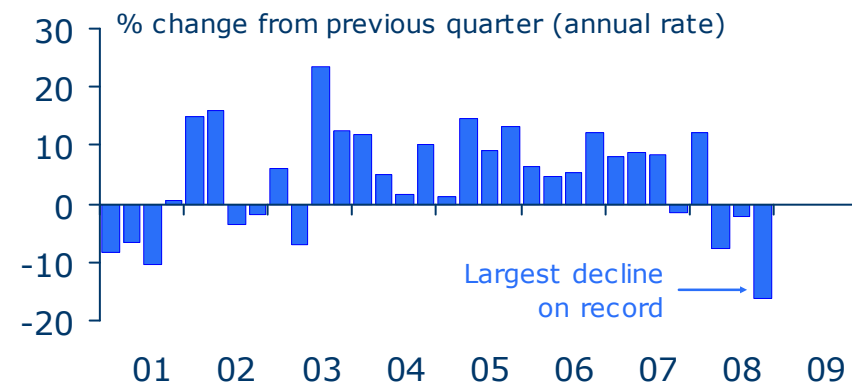
### Malaysia



### Taiwan



### Singapore



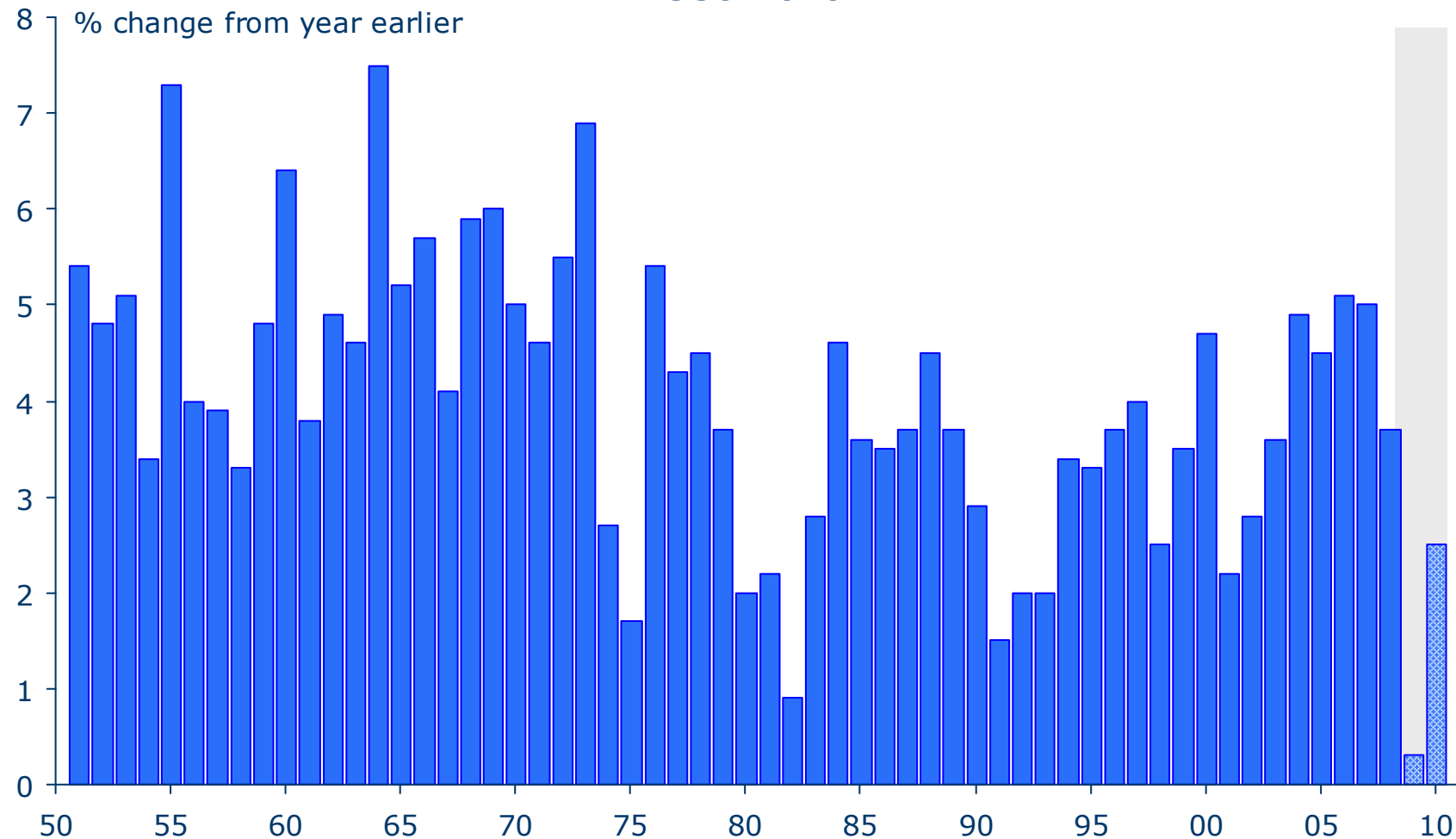
Sources: Korea National Statistical Office; Taiwan Directorate General of Budget, Accounting & Statistics; Hong Kong Census and Statistics Office; Singapore Department of Statistics; CEIC. Taiwanese and Hong Kong data seasonally adjusted by ANZ.



# Tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ thấp hơn trong năm 2009 và thấp nhất kể từ Thế Chiến thứ II

16

**Tăng trưởng kinh tế toàn cầu giai đoạn  
1950-2010**



Sources: The Conference Board Total Economy Database (1950-70); IMF (1971-2008); ANZ (2009-10).



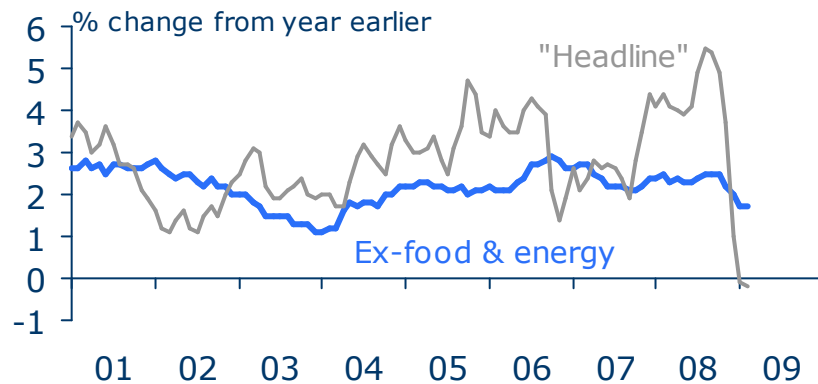


Lạm phát đã giảm rõ rệt ở các nền kinh tế phát triển. Giảm phát có thể là rủi ro cho một số nền kinh tế

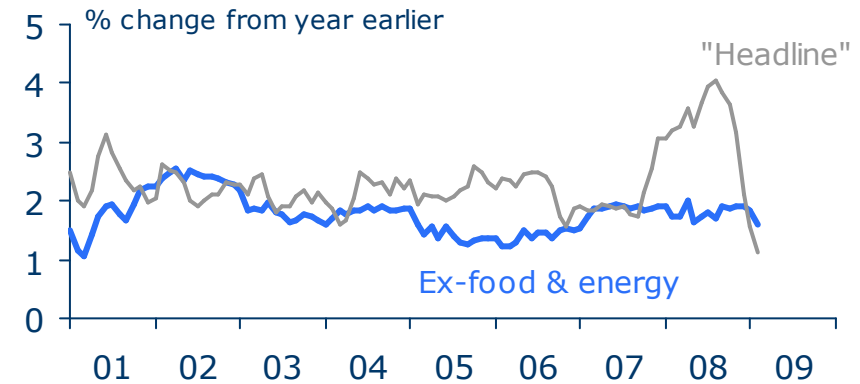
17

## Giá cả tiêu dùng – Nền kinh tế công nghiệp chính

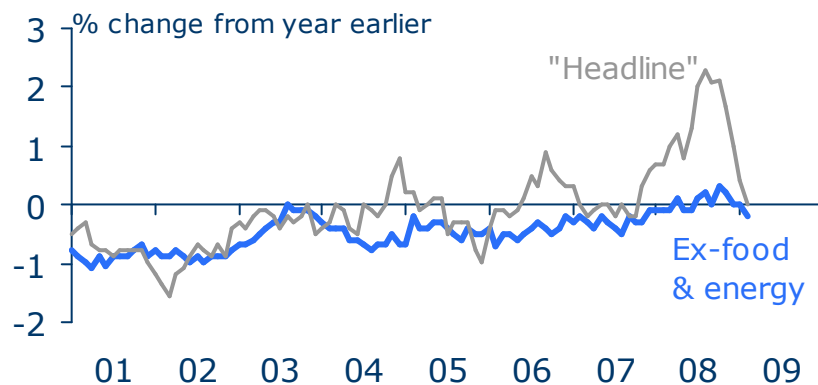
### United States



### Euro area



### Japan



### United Kingdom



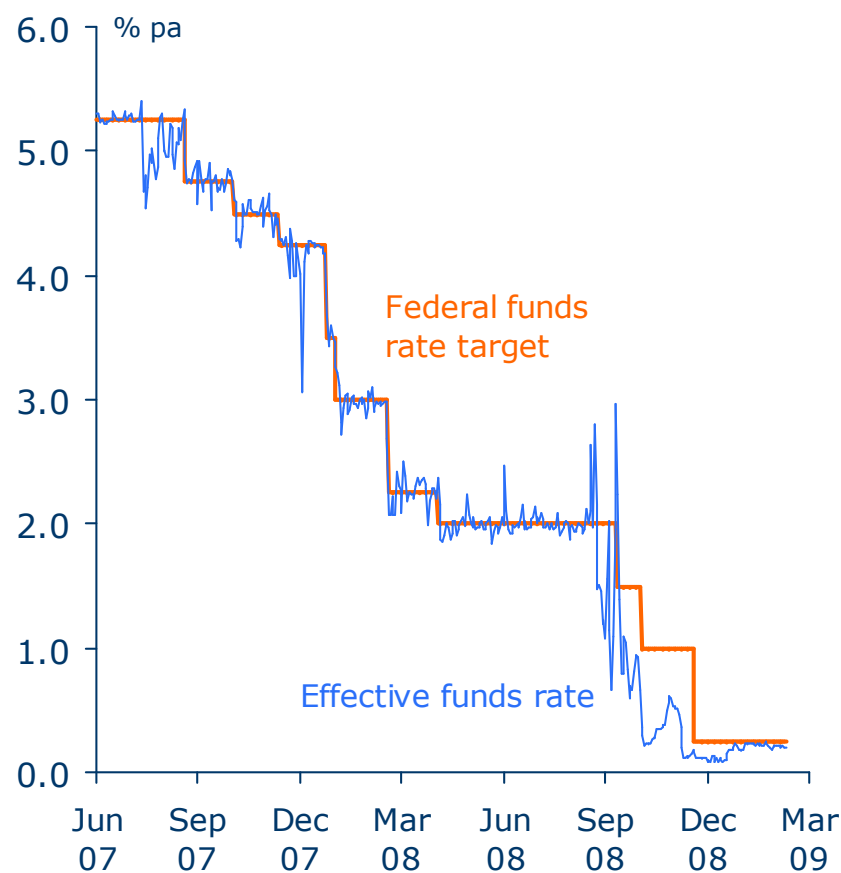
Sources: US Bureau of Labor Statistics; Eurostat; UK Office of National Statistics; CEIC.



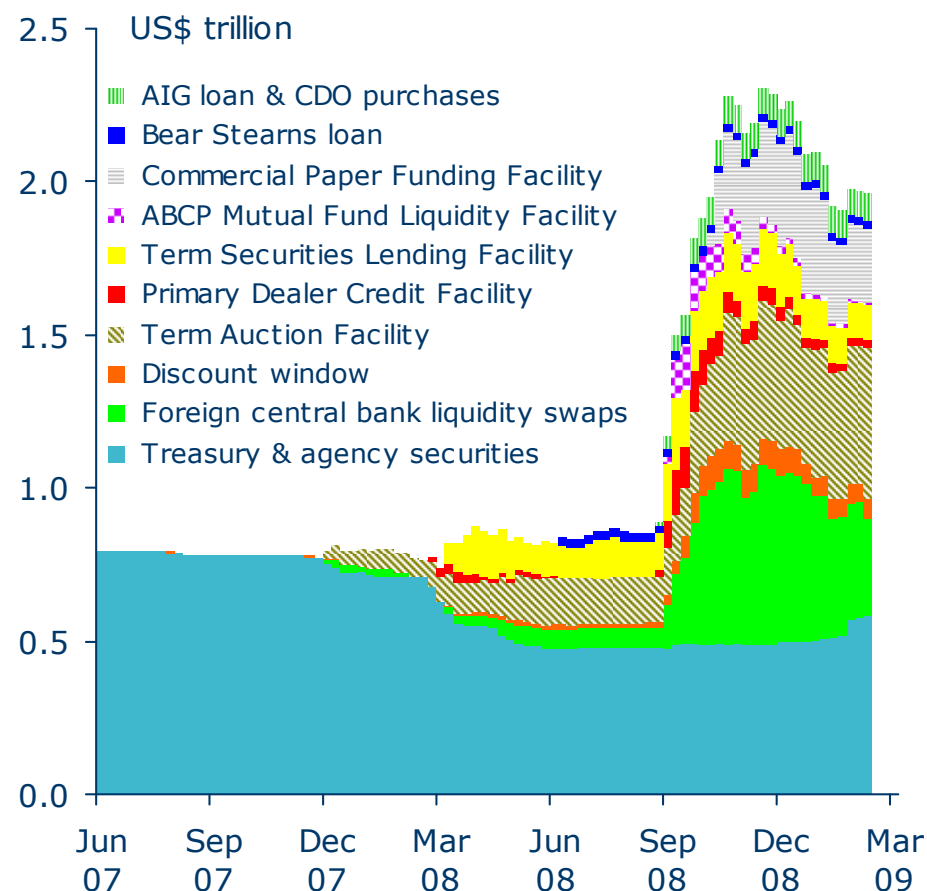
# Với lãi suất cơ bản trở về zero, Fed đã lên phương sách cho một dạng 'quantitative easing'

18

## Lãi suất thực tế Cục Dự Trữ Liên bang Hoa Kỳ và những mục tiêu



## Tổng Tài sản trên bảng tổng kết tài sản của Cục Dự Trữ Liên bang Hoa Kỳ



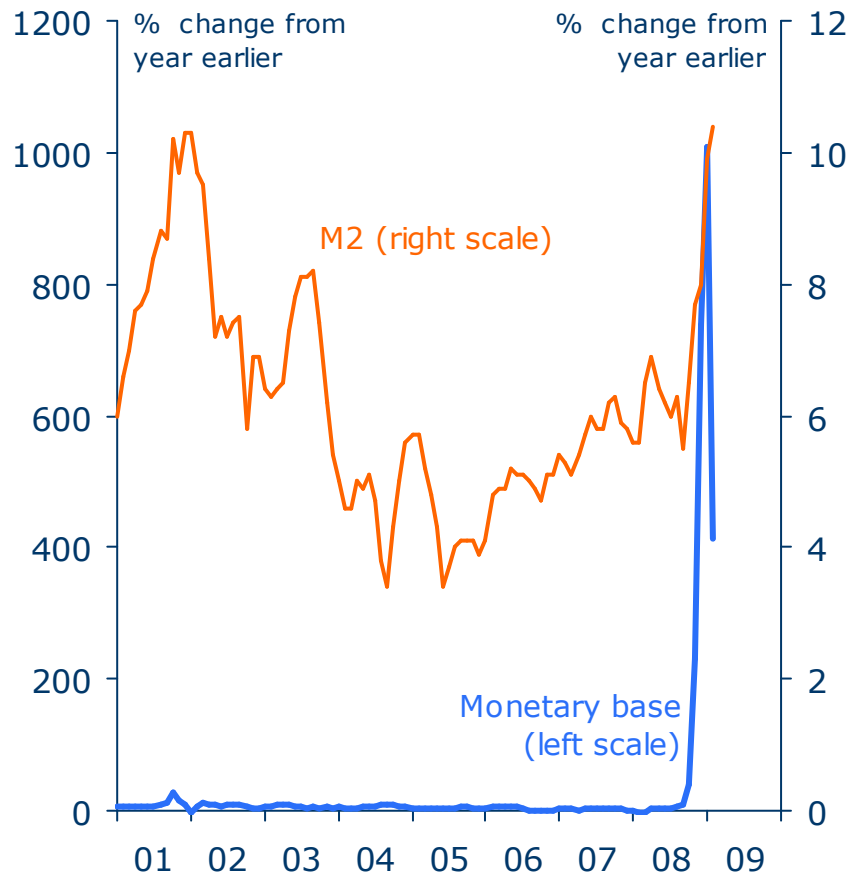
Source: US Federal Reserve Board H.4.1 Statistical Release, *Factors Affecting Reserve Balances*; Datastream.



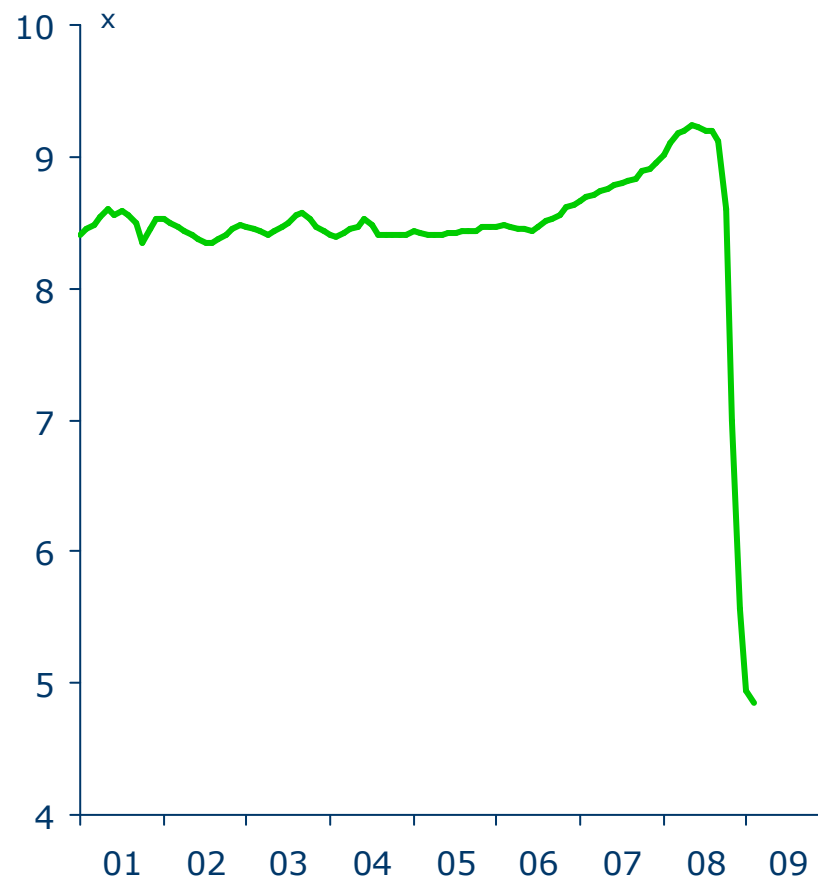
Hành động của Fed sẽ không làm cho lạm phát tăng nhanh mà ngược lại giúp chống lại giảm phát và suy thoái

19

**Monetary aggregates**



**The 'money multiplier'**

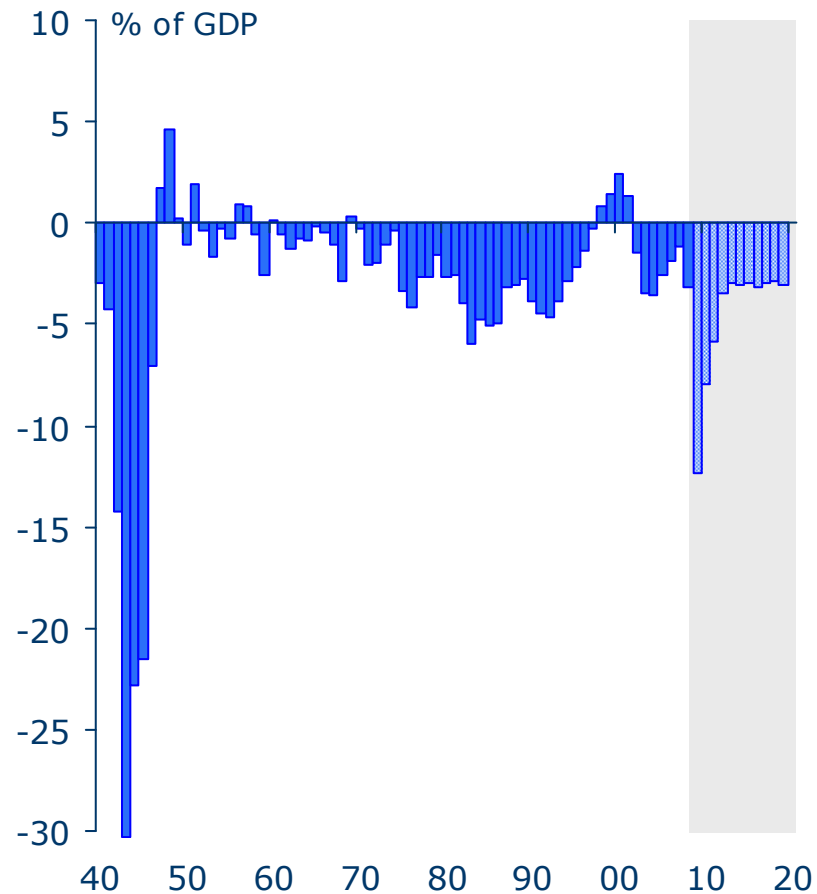


*Note:* The 'monetary base' comprises currency in the hands of the non-bank public plus bank reserves held either in cash or at the Federal Reserve. M2 comprises currency plus demand and time deposits at banks, thrift institutions and retail money market funds (excluding IRAs) (more precise definitions can be found on the Fed website). The 'money multiplier' is the ratio of M2 to the monetary base. *Sources:* US Federal Reserve; ANZ.

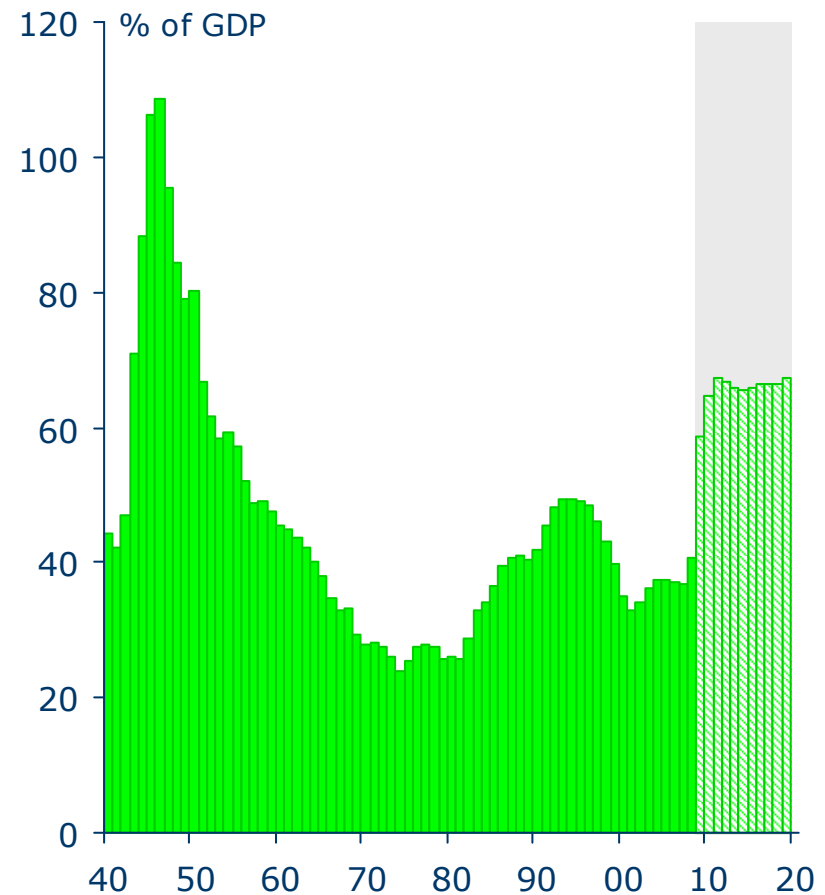
Tại Hoa Kỳ và những nơi khác, các gói kích thích kinh tế sẽ làm gia tăng các khoản nợ công, nhưng vẫn nằm trong vòng kiểm soát

20

**Số dư ngân khố Quốc Gia Mỹ**



**Tổng nợ của Chính phủ Mỹ**



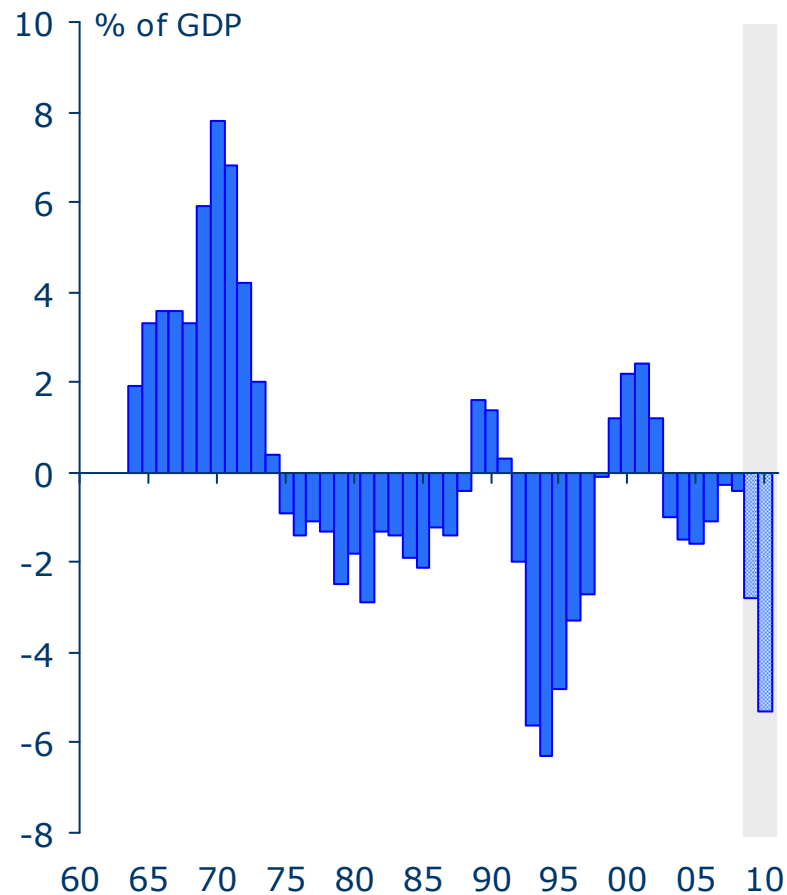
*Note:* Figures for Federal Government debt exclude debt held by other Federal agencies such as the Social Security Trust Fund. *Source:* Congressional Budget Office (historic data); Office of Management & Budget, *A New Era of Responsibility – The 2010 Budget* (February 2009)



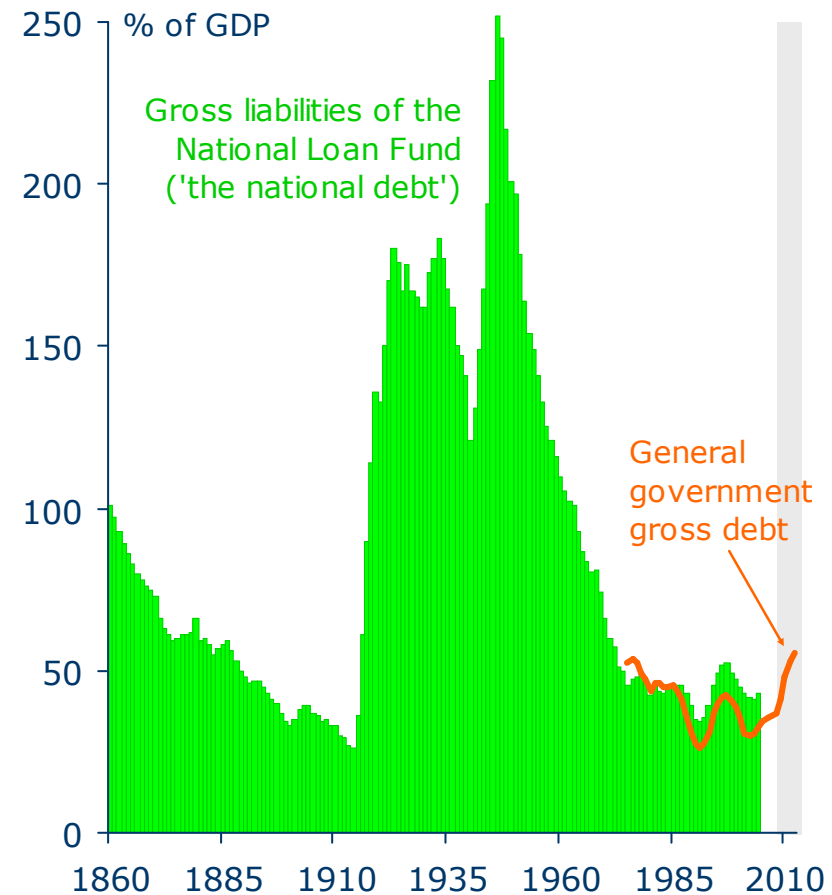
UK cũng đang phải gánh một mức nợ công khá cao trong quá khứ nhưng vẫn đảm bảo khả năng chi trả

21

**Số dư ngân khố Anh Quốc**

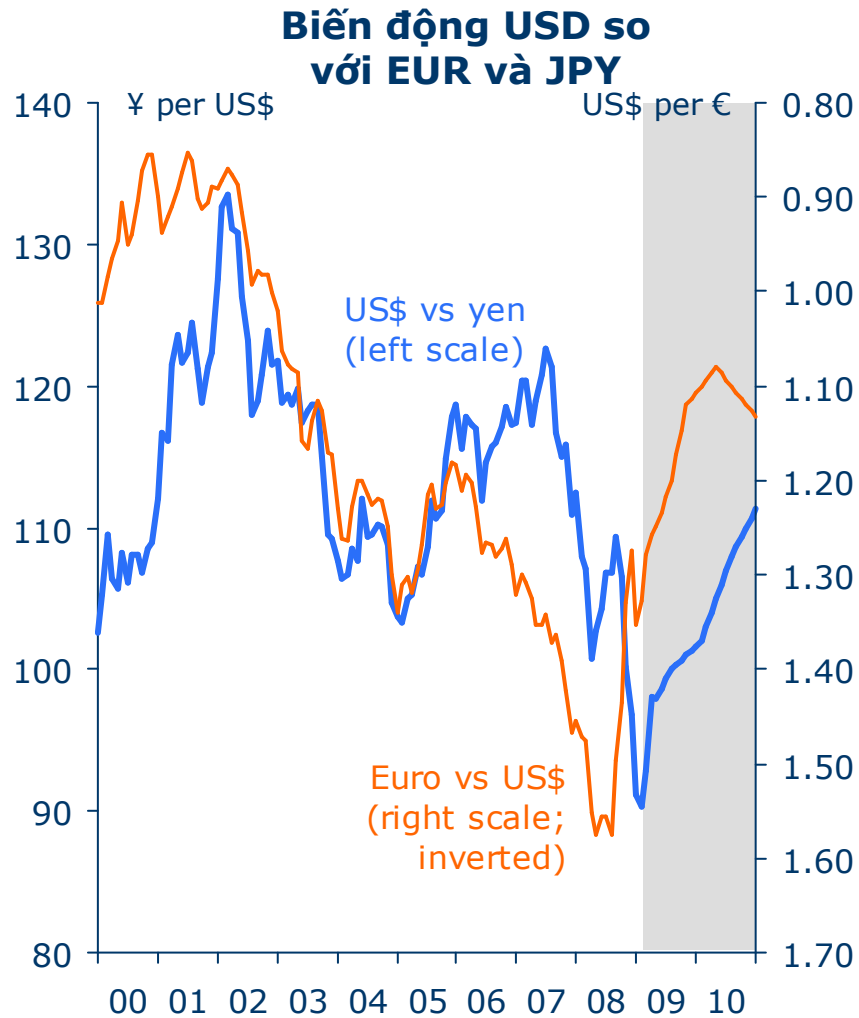


**Tổng nợ công của Anh Quốc**



Source: HM Treasury *Public Sector Finances Databank* (January 2009); *Pre-Budget Report* (November 2008).

Không thể phủ nhận một điều rằng các chính sách kinh tế đang được thực hiện bởi Fed và các nhà quản trị Hoa Kỳ sẽ gây ra sự mất giá của đồng USD 22



Sources: Datastream; ANZ.

- Nhìn một cách riêng biệt, thật dễ dàng để nhận ra xu hướng mất giá của đồng USD (tăng chi tiêu công và thâm hụt ngân sách, khủng hoảng sâu, lãi suất bằng 0 v.vv)
- Nhưng tỷ giá hối đoái có tính tương đối – bởi vì để đồng USD suy yếu đi thì các đồng tiền khác phải mạnh lên.
- Nhật Bản có một lượng lớn thặng dư bên ngoài và châu Âu thì thâm hụt ngân sách ít hơn nhiều so với Hoa Kỳ - nhưng trong hầu hết những yếu tố khác, những yếu tố kinh tế cơ bản của Nhật và châu Âu xấu hơn Hoa Kỳ - và Hoa Kỳ đã phải làm nhiều hơn để giải quyết những vấn đề của nền kinh tế.
- Đồng USD đã mất giá khá nhiều so với đồng ¥ và € trong vòng 5 năm qua. Không có gì chắc chắn rằng đồng USD sẽ mất giá thêm nữa – thay vào đó nó có thể tăng giá trở lại.
- Một trường hợp có thể là làm mất giá đồng USD so với đồng Yuan nhưng chính phủ Trung Quốc sẽ không để điều đó xảy ra.

- Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu sẽ không kết thúc cho tới khi nào những nghi ngờ về khả năng thanh toán của các ngân hàng Trung Ương được giải tỏa
  - Điều này phải được thể hiện bằng những cam kết tài chính trị giá hàng trăm tỷ đô từ chính phủ và thêm nhiều ngân hàng sẽ bị quốc hữu hóa
  - Nó vẫn còn là một nhiệm vụ khá phức tạp và đầy khó khăn
  - Và nền kinh tế thế giới sẽ không phục hồi lại cho tới khi nào nhiệm vụ trên được hoàn thành
- Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu lần này có nhiều điểm tương đồng với giai đoạn suy thoái kinh tế trước chiến tranh Thế Giới thứ II hơn là cuộc suy thoái kinh tế sau chiến tranh
  - Các hoạt động kinh tế đã suy giảm một cách rõ rệt và ở nhiều quốc gia (đặc biệt là những quốc gia có tỷ giá hối đoái tăng) sẽ ảnh hưởng bởi giảm phát
- Những chính sách kinh tế 'chính thống' sẽ không ngăn được cuộc khủng hoảng hiện tại
  - Có một số rủi ro trung hạn liên quan đến chính sách tiền tệ 'quantitative easing' và thâm hụt ngân sách lớn. Tuy nhiên vẫn tốt hơn là để xảy ra những rủi ro về ngắn hạn với việc không làm gì cả
- Trung Quốc sẽ là nền kinh tế lớn đầu tiên gây nên sự tăng trưởng trở lại
  - Nhưng một mình Trung Quốc không thể giúp nền kinh tế toàn cầu khôi phục trở lại
- Bên cạnh những ý định đã được đề cập của chính phủ, 'Chủ nghĩa bảo hộ' sẽ là một yếu tố vô cùng nguy hiểm, đặc biệt khi các chính sách về kinh tế vĩ mô không hiệu quả
  - Chính sách kiểm soát các nguồn vốn đầu tư trực tiếp là một mối nguy hiểm khá lớn giống như chính sách bảo hộ mậu dịch

## Tóm tắt dự báo kinh tế toàn cầu

	Tăng trưởng GDP			
	2007	2008	2009 (f)	2010 (f)
<b>Mỹ</b>	<b>2.0</b>	<b>1.3</b>	<b>-2½</b>	<b>1¾</b>
<b>Nhật</b>	<b>2.4</b>	<b>-0.7</b>	<b>-3¾</b>	<b>½</b>
<b>Khu vực Châu Âu</b>	<b>2.5</b>	<b>0.7</b>	<b>-2</b>	<b>½</b>
<b>Anh Quốc</b>	<b>3.0</b>	<b>0.7</b>	<b>-2½</b>	<b>½</b>
<b>Canada</b>	<b>2.7</b>	<b>0.6</b>	<b>-1¼</b>	<b>1</b>
<b><i>Các nước kinh tế phát triển</i></b>	<b>2.4</b>	<b>0.8</b>	<b>-2¼</b>	<b>1</b>
<b>Trung Quốc</b>	<b>13.0</b>	<b>9.1</b>	<b>7</b>	<b>8½</b>
<b>Các nền Kinh tế Đông Á</b>	<b>6.0</b>	<b>3.5</b>	<b>¼</b>	<b>4¼</b>
<b>Ấn Độ</b>	<b>9.3</b>	<b>7.2</b>	<b>5¼</b>	<b>7</b>
<b>Nga</b>	<b>8.1</b>	<b>5.6</b>	<b>1</b>	<b>3¼</b>
<b>Châu Mỹ La Tinh</b>	<b>5.6</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>2½</b>
<b><i>Các nước đang phát triển</i></b>	<b>8.4</b>	<b>6.1</b>	<b>3</b>	<b>5¼</b>
<b><i>T toàn cầu</i></b>	<b>4.8</b>	<b>2.9</b>	<b>0</b>	<b>2¾</b>

Note: Regional and global aggregates weighted using purchasing power parities.  
Sources: IMF; ANZ.



# Nước Úc cũng không thể tránh khỏi tác động của cuộc khủng hoảng tài chính và sự suy thoái kinh tế toàn cầu

---

25

- Úc có thâm hụt ngân sách khá lớn (do các giao dịch với thế giới) và sự thâm hụt này sẽ được bù đắp bằng việc vay mượn nước ngoài bởi các ngân hàng trong nước và nước ngoài
  - Những khoản nợ này ngày càng trở nên khó khăn và đắt đỏ
  - Ngân hàng nước ngoài (đặc biệt là những ngân hàng nằm dưới sự kiểm soát của chính phủ) thường không muốn cho vay ra nước ngoài (bao gồm cả Úc)
  - Các ngân hàng trong nước không có đủ nguồn vốn để thay thế tất cả các dư nợ nước ngoài trước đó được vay bởi các ngân hàng nước ngoài và thị trường chứng khoán
- Những giao dịch thương mại tăng lên chủ yếu do sự tăng giá của hàng hóa đã làm cho GDP của Úc tăng 2% một năm (hoặc gần 15%) kể từ năm 2001
  - Sự sụt giảm của giá cả hàng hóa từ giữa năm 2008 (và sẽ được dự báo còn tiếp diễn) sẽ làm suy giảm đáng kể GDP trong năm 2009 (cũng như ảnh hưởng tiêu cực đến việc làm và đầu tư)
- Cuộc khủng hoảng sâu của nhiều đối tác thương mại lớn sẽ ảnh hưởng đến sản lượng xuất khẩu của Úc
- Giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán của Úc cũng đã giảm nhiều tương đương với giá cổ phiếu trên thị trường khác trên thế giới, và ảnh hưởng tiêu cực tới các hộ gia đình và hoạt động kinh doanh tài chính
  - Các hộ gia đình và doanh nghiệp hiện giờ đang tập trung để tái cơ cấu lại hoạt động của mình hơn là chi tiêu ra
- Chỉ số niềm tin trong kinh doanh cũng không thể không bị ảnh hưởng bởi những tin tức xấu từ thế giới

...nhưng điều đó không có nghĩa là viễn cảnh của Úc u ám hơn các nước khác, hoặc là xấu hơn giai đoạn 1990-1991

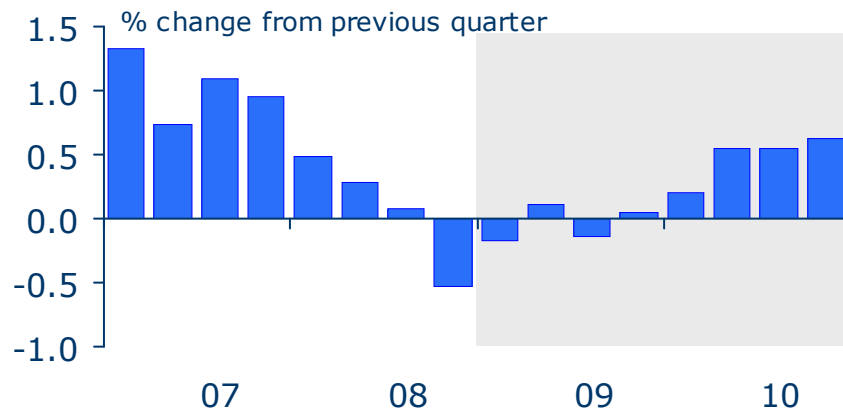
---

26

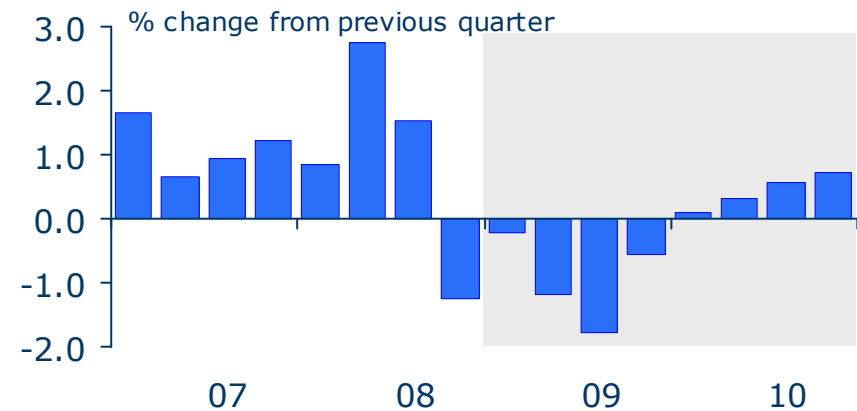
- Hầu hết các yếu tố đã gây ra suy thoái cho Hoa Kỳ và châu Âu đã không gây ra những tác động quá to lớn đối với nước Úc
  - Hệ thống ngân hàng của Úc vẫn hoạt động tốt – vẫn có lợi nhuận và không cần sự hỗ trợ tài chính từ chính phủ, và vẫn tiếp tục cho vay (dầu yêu cầu có khắt khe hơn)
  - Mặc dù vẫn còn cao so với mặt bằng thu nhập, giá nhà của Úc đã không giảm nhiều (ngoại trừ một số ít ở phân khúc cao cấp) và có rất nhiều thông tin tốt để hy vọng rằng giá nhà sẽ không giảm mạnh
- Sự mất giá đáng kể của đồng Aussie là một yếu tố hỗ trợ tích cực ở hai hướng
  - Bù đắp cho sự giảm giá mạnh mẽ của hàng hóa thương mại
  - Giảm thiểu nguy cơ giảm phát
- Chính sách tiền tệ được vận hành hiệu quả ở Úc hơn là ở các quốc gia khác
  - Lãi suất người vay phải trả đã thực sự giảm nhiều, trong một số trường hợp là đã giảm rất nhiều
- Các chính sách tài chính đang được tiến hành sớm hơn trong giai đoạn này so với những cuộc khủng hoảng trước của Úc và các nước khác
  - Và những công cụ để thực hiện chính sách của Úc thì có nhiều điểm nổi bật hơn các quốc gia khác

Dựa vào những số liệu trên đây có thể thấy Úc đã bước vào thời kỳ suy thoái lần đầu tiên sau hơn 20 năm <sup>27</sup>

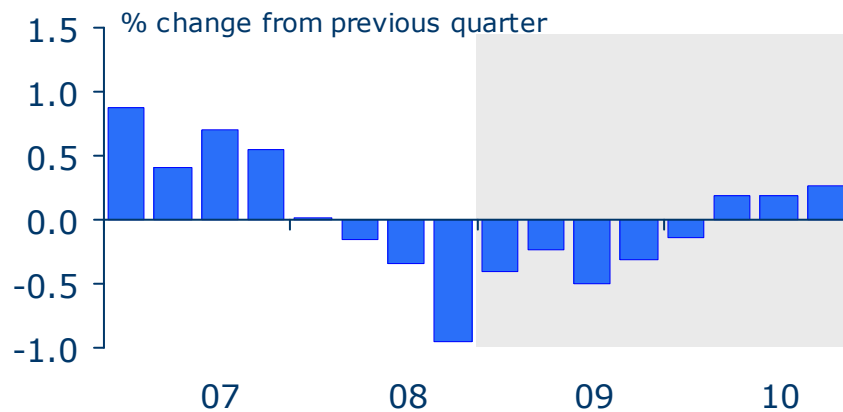
**Tổng Sản Phẩm Quốc Nội (GDP)**



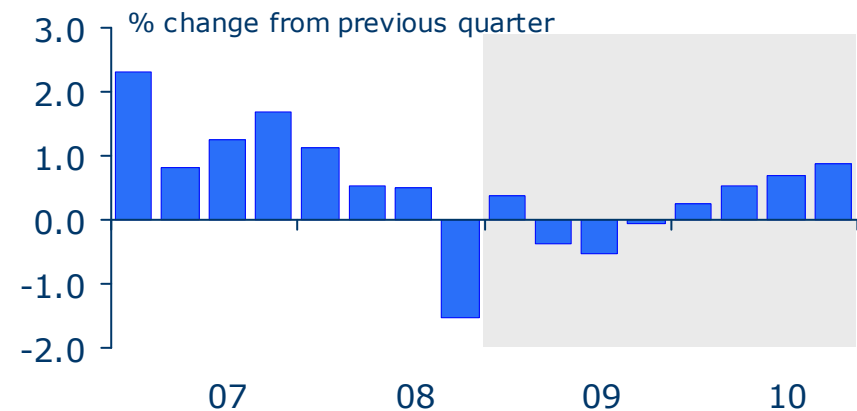
**Tổng Thu nhập Quốc Nội (GDI)**



**GDP đầu người**



**Tổng chi tiêu Quốc Gia (GNE)**



Note: Real gross domestic income is real GDP adjusted for changes in the terms of trade (export relative to import prices). Shaded areas denote ANZ estimates or forecasts. Sources: ABS; ANZ.

# Thế giới sẽ không bao giờ trở lại như cũ sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu

---

28

- Sẽ có một sự thay đổi mạnh mẽ của pháp luật đối với hệ thống tài chính quốc gia
  - Các yêu cầu về vốn đối ứng của các ngân hàng sẽ được kiểm soát chặt chẽ hơn
  - Những yêu cầu này sẽ khác nhau đối với từng ngân hàng để giảm thiểu rủi ro về bong bóng giá trị tài sản
  - Hệ thống pháp luật sẽ mở rộng hơn đối với những tổ chức tài chính khác
  - Các công cụ tài chính phái sinh sẽ được kiểm soát chặt chẽ hơn, bao gồm những trách nhiệm phải khai báo và tăng cường đối thoại
- Chính phủ sẽ có vai trò quan trọng hơn trong nền kinh tế
  - Tính ưu việt của 'Thị trường tư bản tự do Anglo – Saxon' đang thực sự bị xói mòn
- Chính sách tài chính sẽ trở thành công cụ quan trọng hơn so với chính sách tiền tệ trong việc quản lý nền kinh tế
  - Các ngân hàng Trung Ương sẽ tiếp tục duy trì tính độc lập của nó nhưng sẽ mất một vài ảnh hưởng nhất định
- Thuế cuối cùng sẽ tăng để chia sẻ một phần với GDP trong những nền kinh tế phát triển
  - Một khi chính phủ bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ khôi phục lại sự bình ổn trong hệ thống tài chính
- Sức ảnh hưởng của Hoa Kỳ đối với nền kinh tế toàn cầu sẽ dần bị thu hẹp lại do sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc và Ấn Độ
  - Những nhóm như G20 sẽ có ảnh hưởng mạnh mẽ hơn trong khi những nhóm như G7 hay G8 sẽ mất dần ảnh hưởng và hoạt động của những thể chế khác sẽ thay đổi
  - Tuy nhiên, đồng USD sẽ vẫn còn giữ vị trí quan trọng là một đồng tiền được ưa chuộng trong dự trữ ngoại hối của các quốc gia